

## **Phần III**

### **Những Tháp Tượng Niệm Đáng Ghi Nhớ Trên Đường Hành Hương**

#### **Nội Dung:**

1. Sự ra đời & phát triển của những tháp tượng niệm (stupa): đối tượng để tôn kính
2. Pava, nơi Đức Phật dùng bữa ăn cuối cùng
3. Kesariya, di tích Tháp tượng niệm cao nhất thế giới
4. Lauriya Nandangarh, di tích Trụ Đá Asoka mỹ lệ & tháp tượng niệm Nandangarh Stupa
5. Tháp tượng niệm Ngài Ananda ở Hajipur
6. Kosambi, di tích nơi xảy ra cuộc tranh biện & phân ly trong Tăng đoàn
7. Chỉ dụ được khắc lên đá (Thạch pháp dụ) của Vua Asoka
8. Đại Bảo Tháp Stupa ở Sanchi



## (I)

# Sự Ra Đời & Phát Triển Của Những Tháp Tưởng Niệm (*Stupa*) Đối Tượng Để Tôn Kính<sup>(4), (24)</sup>

### 1.1 Đối Tượng Để Tôn Kính Trong Phật Giáo

Khi Đức Phật còn tại thế ở Tu Viện Kỳ Viên (*Jetavana vihara*) ở Savathi (Xá-vệ), những Phật tử kính đạo thường mang những bó hoa hay vòng hoa đến dâng lên Đức Phật để tỏ lòng thành kính. Khi Phật đi vắng, họ lại mang hoa đến đặt ở Hương Thất (*gandhakuti*) của Phật và hoan hỷ ra về.

Nghe được điều này, ngài Cấp Cô Độc (Anathapindika) đã thỉnh cầu ngài Ananda tìm hiểu từ Phật xem cách nào để những Phật tử, cư sĩ đến đánh lễ Phật khi Phật đi thuyết giảng ở nơi khác. Theo Đức Phật, có 3 đối tượng để lễ bái và cúng dường (*cetiyan*), được xem như là Phật, khi Phật không có mặt. Đó là:

- (a) Những thứ thuộc về nhục thân của Phật (*saririka*)
- (b) Những thứ thuộc về vật dụng của Phật (*paribhogika*)
- (c) Những thứ hay những điều gọi nhớ hay làm tưởng nhớ đến Phật (*uddesika*)

Đức Phật nói rằng, nếu dựng Tháp hay vật gì để thờ những thứ thuộc về nhục thân của Phật là không đúng, vì lúc đó Đức Phật còn tại thế, nhưng sau khi Phật Bát-Niết-bàn, thì việc đó là đúng. Những thứ gợi nhớ đến Phật thì hoàn toàn thuộc về Tâm, chứ không phải là vật chất. Còn Cây Bồ Đề được Đức Phật sử dụng thì được làm đối tượng lễ bái thay cho Phật khi Đức Phật còn sống hay đã “đi xa” thì đều được.

Sau khi nghe lời dạy này của Đức Phật, ngài Ananda đã thu xếp chọn một cây con của Cây Bồ Đề ở Bồ Đề Đạo Tràng đem về trồng trước cổng tu viện Kỳ Viên làm biểu tượng thay cho Phật khi Phật không có mặt. Đó là Cây Bồ Đề Ananda (Ananda-Bodhi).

## 1.2 Sự ‘Sùng Kính’ Trong Phật Giáo <sup>(44)</sup>

Kinh điển Phật giáo có ghi lại những trường hợp Phật tử vì quá sùng kính Đức Phật nên họ đã cần những thứ dùng để lễ bái, tôn kính như là Đức Phật khi Người vắng mặt. Sự sùng kính này gọi là “*bhatti*” (tiếng Phạn: *bhakti*) thường cũng có trong những tôn giáo khác. Đức Phật thường chỉ trích những kiểu **tôn sùng một cách mù quáng** dành cho Đức Phật, bởi vì sự sùng bái thái quá về mặt tình cảm sẽ là chướng ngại cho sự tự phát triển tâm linh, trí tuệ trong việc thực hành Con Đường Bát Chánh Đạo.

Theo Kinh tạng, câu chuyện về Tỳ kheo **Vakkali**, người luôn luôn sùng kính Đức Phật một cách sâu sắc. Ngay cả khi lúc đang nằm bệnh, ông cũng muốn được gặp Phật. Đối với ông ta, Đức Phật đã dạy rằng:

“Điều gì tốt đẹp khi nhìn thấy tám thân hư giả này? Đây Vakkali, ai thấy được Giáo Pháp (Dhamma) là thấy được ta, nhìn thấy ta là thấy được Giáo Pháp.”

(Theo Khanda Samyutta, Kinh “Vakkali Sutta”).

Một câu chuyện khác ngay trước khi Bát-Niết-bàn (*Parinibbana*), hai cây Sala Long Thọ nở rộ trái mùa, gieo khắp và tung vãi trên thân Người, cùng với bột chiên đàn, và ca nhạc trên hư không nổi dậy, tất cả để tôn vinh Đức Phật. Ngay lúc đó, **Đức Phật** dạy rằng:

“*Này Ananda, không phải như vậy là Như Lai được kính trọng, được tôn vinh, được kính mến, được đánh lễ và được vinh danh cao nhất. Nhưng, này Ananda, bất kỳ Tỳ kheo hay Tỳ kheo Ni hay thiện nam hay tín nữ nào thực hành đúng theo Giáo Pháp, sống ngay thẳng đúng với Giáo Pháp, đi theo đúng con đường Giáo Pháp, thì bởi vì người đó mà Như Lai mới được kính trọng, được tôn vinh, được kính mến, được đánh lễ và được vinh danh cao nhất.*”

(Theo Kinh “Đại Bát Niết Bàn” – V, 6).

Hai ví dụ trên cho thấy rằng Đức Phật **không nhấn mạnh** sự thờ phượng, sự sùng kính thái quá về mặt tín ngưỡng và tình cảm, **mà nhấn mạnh việc thực hành Bát Chánh Đạo** theo đúng Giáo Pháp (*Dhamma*).

Tuy nhiên, càng không nên nghĩ rằng Đức Phật chê bai sự sùng kính có được từ trong Tâm xuất phát từ những hiểu biết thật sự và sự mến phục sâu sắc về những điều cao quý.

Cần nhấn mạnh rằng, việc “**thấy biết được Giáo Pháp**” không phải chỉ đơn thuần sự hiểu biết kiểu trí thức, mà là kiến thức có được do trải nghiệm (*bhavanamaya ñāna*) thông qua việc thực hành Bát Chánh Đạo. Đây chính là **lòng tin xác tín** rằng không có gì ngoài Con đường Bát Chánh Đạo có thể dẫn đến sự Giải Thoát.

Đức Phật đã từ chối làm một đối tượng để thờ phượng, cúng tế.

► **Lưu ý: Những tranh, tượng Phật không tồn tại khi Phật còn tại thế và chỉ xuất hiện hơn 500 năm sau Bát-Niết-bàn của Phật.**

Nhưng Đức Phật cũng cho rằng việc tôn kính và thờ cúng cũng mang lại niềm hạnh phúc lớn cho mọi người, như Người đã thuyết giảng trong Kinh Hạnh Phúc (*Mangala Sutta*). Bởi vì khi một người tỏ thái độ tôn kính, người ấy sẽ khởi sinh sự khiêm nhường, sự từ tốn. Vì vậy người đó có thể nhận biết được những phẩm chất cao đẹp hơn của đối tượng đáng tôn kính và học hỏi từ đó. Điều này cũng đúng và cần thiết để học tập tiến bộ, dù là tiến bộ về mặt tâm linh hay những tiến bộ trong cuộc sống thế gian.

Sự sùng kính, sự mến mộ là biểu hiện tự nhiên của **lòng tin** (*saddha*) và đóng vai trò quan trọng trong việc **cân bằng các căn** hay giác quan (*indriya samata*) với **trí tuệ bát-nhã** (*panna*). Sự **phát triển một-bên** về các căn bản trí tuệ (thông

thái, minh sát, trí tuệ) thường có xu hướng làm cho một người nghi ngờ. Trong khi đó, sự **phát triển một-bên** về lòng tin hay sự sùng kính thường làm người ta cả tin, dễ bị đánh lừa. Vì vậy, việc phát triển cân bằng cả hai căn bản sẽ tạo ra sự tiến bộ về tinh thần và tâm linh.

Đối với những Phật tử tại gia, những việc lễ cúng hàng ngày như dâng hoa, cúng nhang, đèn và lễ lạy, thờ cúng (*puja*) là một phương tiện để nối kết mình với Tam Bảo trong cuộc sống hàng ngày. Điều quan trọng hơn những việc dâng cúng bên ngoài như vậy là việc thực hành Tâm niệm, như quán tưởng những Phẩm Chất của vị Phật, sẽ dẫn đến nhiều kết quả lớn lao hơn, như là:

(a) *Sẽ có được thêm lòng tin sâu sắc hơn, giúp tâm thanh tịnh, trong sạch nhiều hơn và lúc đó sự chánh Niệm và chánh Định sẽ dễ dàng được thiết lập.*

(b) *Cần thiết cho những lúc đau bệnh, mắt mắt hay đối đầu với những thăng trầm của cuộc đời.*

(c) *Làm thãm nhuần lòng tự tin cho mỗi con người, giúp xua tan đi những nỗi sợ hãi, lo lắng, nghi ngờ và bất an trong cuộc đời.*

Thiền quán tưởng niệm Phật, tưởng nhớ đến Đức Phật có thể mang lại những lợi ích vô giá để đạt Định, làm cơ sở để giải thoát từ trong nội tâm. Về vấn đề thiền quán tưởng niệm Phật, không ai có thể giảng giải tốt hơn chính Đức Phật đã giảng dạy như sau:

*“Khi một đệ tử cao quý đang quán tưởng đến Như Lai như vậy, tâm của người ấy không còn bị đeo bám bởi tham,*

sân, si, tâm ngay thẳng, với Như Lai là đối tượng của Tâm. Khi một đệ tử cao quý có tâm ngay thẳng sẽ trở nên nhiệt thành với mục tiêu, nhiệt thành với Giáo Pháp, đạt được niềm an vui (pamojja) gắn liền với Giáo Pháp. Khi người ấy được an vui, niềm hoan hỷ (piti) khởi sinh, và khi người ấy được nâng lên bởi niềm hoan hỷ, toàn thân trở nên an lạc (passadhi), người an lạc trong thân sẽ cảm thụ được niềm hạnh phúc (sukha), mà khi một người hạnh phúc, tâm sẽ trở nên định (samadhi). Người như vậy được gọi là một đệ tử cao quý giữa một nhân loại đang sai đường lạc lối, đã chứng ngộ được lẽ phải, là người giữa nhân loại đau khổ mà không còn đau khổ, là người đã bước vào dòng chảy của Giáo Pháp và phát triển việc quán niệm về Phật”.

(Theo Tăng Chi Bộ Kinh, Quyển Sáu, 10)

### **1.3 Sự Khởi Dựng Đền, Tháp Tưởng Niệm (Stupa) Từ Sau Khi Bát-Niết-Bàn Của Đức Phật**

Từ Stupa (tiếng Pali ‘*thupa*’, tiếng Anh-Ấn ‘*tope*’) được xuất phát từ gốc ‘*stup*’ (chất đóng, dồn đóng) có nghĩa là một mô đất, gò đất hay phần mộ. Ban đầu việc chôn cất trong đám tang, đắp những mô đất để chôn tro và thân của xác hỏa thiêu. Tập quán đắp mộ đất, vun đất lên làm mộ để tưởng niệm (giống như việc chôn xác và xây mồ mã ở Việt Nam), đã có từ thời trước Phật.

Đức Phật nhận thấy được ý nghĩa của việc thờ kính của hàng Phật tử tại gia, nên người đã làm cho việc tôn thờ xá lợi Phật là thiêng liêng. Khi Ngài Ananda hỏi Đức Phật rằng nhục thân của người sẽ được giải quyết như thế nào sau khi



người Bát-Niết-bàn, Phật đã chỉ rằng nhục thân sẽ được hỏa thiêu theo nghi thức dành cho bậc quân vương và phần xá lợi sau khi hỏa thiêu sẽ được giữ trong các tháp *stupa* được xây để cất giữ xá lợi để thờ cúng ở những giao lộ (*ý chỉ dọc theo đường hành hương hay nơi hành hương – ND*).

Đối với những Tỳ kheo, Đức Phật nhận thấy rằng nếu tốn thêm nhiều thời gian vào những nghi lễ tôn thờ xá lợi sẽ làm cản trở cho việc thực hành Bát Chánh Đạo. Cho nên, Đức Phật đã khuyên các Tỳ kheo **“không nên cản trở mọi người tôn vinh nhục thân của Người, mà hãy để cho những người Phật tử tại gia sùng kính Như Lai và thực hiện việc tôn vinh nhục thân của Người”**.

Trong Kinh Đại Bát-Niết-Bàn, Đức Phật cũng giảng dạy thêm rằng, có **4 loại người** xứng đáng được xây tháp để tưởng niệm, đó là:

1. Một vị Phật Giác Ngộ Tối Thượng,
2. Một vị Phật tự thân giác ngộ: Phật Duyên Giác (*Pacceka Buddha*),
3. Một thánh đệ tử, và
4. Một bậc quân vương.

*“Và tại sao mỗi người như thế lại xứng đáng xây tháp tưởng niệm stupa? Bởi vì ý nghĩ: “Đây là tháp tưởng niệm của một vị Phật Giác Ngộ Tối Thượng, một vị Phật Duyên Giác, một thánh đệ tử và một bậc quân vương”, thì lòng của mọi người đều cảm thấy được an bình và ngay khi thân thể tan hoại sau khi chết, họ sẽ được tái sinh vào cảnh giới an*

*lạc (sugati). Đó là lý do tại sao và 4 loại người đó xứng đáng được xây tháp tưởng niệm”.*

Như vậy đó, Đức Phật đã *thiên liêng hóa* những tháp tưởng niệm *stupa*, từ những mô đất hay mộ phần bình thường, trở thành những thánh tích thiên liêng để Phật tử tôn thờ.

Việc tôn thờ tháp tưởng niệm *stupa* trở nên phổ biến hơn khi Vua Asoka chuyển thành Phật tử và đã xây 84.000 Tháp tưởng niệm *stupa* trên khắp vương quốc của ngài. Rồi theo dòng thời gian, từ những mô đất bình thường, những tháp tưởng niệm *stupa* đã trở thành những kiến trúc mỹ lệ và uy nghi và trở thành những biểu tượng của lòng tin và những chứng tích lịch sử vô giá của Phật giáo.

Khi xá lợi nhục thân Phật được đưa vào thờ trong một bảo tháp *stupa*, thì xá lợi đó trở thành biểu tượng như sự có mặt của Đức Phật, những người chiêm bái sẽ đến cúng dường và thực hiện những nghi lễ tôn kính, như dâng cúng nhang đèn, hoa, vòng hoa, cờ vải và y vải đắp xung quanh tháp.

Tục lệ của người Ấn Độ cổ xưa là những người đến chiêm bái thường đi vòng quanh tháp xá lợi hoặc thánh tích *theo chiều kim đồng hồ, từ trái qua phải*. Nghi thức này được gọi là **Đi Nhiễu Quanh (*padakkhina*)**, (tiếng Phạn: *pradaksina*). Trong Kinh Điển, một người đến chiêm bái luôn luôn thực hiện nghi thức đi nhiễu quanh như vậy trước khi rời khỏi nơi biểu tượng chỗ Đức Phật. Đây có thể gọi là

nghi lễ chính thức khi thăm viếng những bảo tháp. Bởi vậy, người ta luôn làm lối đi nhiều quanh trong những tháp *stupa*.

Người hành hương như chúng ta nên lưu nhớ điều này!

Đối với một người hành hương thành thực, việc đi nhiều quanh tháp có thể biến thành một cuộc **hành thiền** để phát triển chánh niệm và lòng từ. Những ai hành hương với tinh thần sùng kính, lễ lạy có thể xem đây là dịp để **tưởng niệm Phật, Pháp và Tăng** ở nơi bảo tháp nhằm tăng trưởng lòng tin và thanh lọc tâm.

#### 1.4 Bốn Loại Tháp Tưởng Niệm (*Stupa*)

Chúng ta nên ghi nhớ rằng: Có bốn (4) loại tháp tưởng niệm của Phật giáo, tùy theo bốn tính chất sau đây:

##### (a) Tháp Xá Lợi (*Saririka Stupa*)

Những tháp *stupa* này có chứa thờ **xá lợi nhục thân** của Phật, các vị Đại Đệ Tử, những đạo sư và bậc thánh nhân Phật giáo.

Những tháp *stupa* có thờ xá lợi Phật được xem là thiêng liêng nhất để tôn kính, thường được xây rất lớn và uy nghi, và càng ngày càng được mở rộng và trùng tu bởi nhiều đời vua Phật tử ở Ấn Độ.

Theo truyền thuyết, Vua Asoka đã cho mở 7 bảo tháp xá lợi nguyên thủy (riêng bảo tháp Ramagama *stupa* của người Koliya vẫn còn nguyên vẹn), lấy phần lớn xá lợi Phật và

phân chia ra để giữ thờ trong 84.000 bảo Tháp xá lợi mà ngài đã cho xây trong thời gian trị vì và hành hương của mình. Nhờ vậy, ngày nay chúng ta có thể được nhìn thấy và chiêm bái nhiều bảo tháp xá lợi Phật ở Ấn Độ cũng như ở Pakistan. Ví dụ như bảo tháp Pháp Vương (*Dhammarajika stupa*) ở Sarnath, Ấn Độ cũng có một bảo tháp cùng tên ở Taxila, Pakistan.

### **(b) Tháp Giữ Thờ Những Vật Dụng Của Đức Phật (*Paribhogika Stupa*)**

Những bảo tháp *stupa* này được xây để giữ thờ những **vật dụng** thiêng liêng đã được Đức Phật sử dụng khi còn tại thế, ví dụ như: y cà sa, bình nước, dao cạo và hộp đựng kim chỉ may.

### **(c) Tháp Tưởng Niệm Sự Kiện (*Uddesika Stupa*)**

Những bảo tháp *stupa* này được xây để tưởng niệm *những sự kiện quan trọng đã diễn ra trong cuộc đời của Đức Phật*, bao gồm cả những nơi ghi dấu những tiền kiếp của Đức Phật hay những nơi được ghi nhớ bởi sự có mặt của Đức Phật lịch sử khi còn tại thế.

Ngài Huyền Trang đã ghi lại có 14 bảo Tháp *stupa* tưởng niệm ở Vesali (Tỳ-xá-ly), trong đó có 12 bảo tháp thuộc loại tưởng niệm sự kiện như vậy; và chỉ có 2 bảo tháp là Tháp xá lợi.

### (d) Tháp Do Phật Tử Phát Tâm Xây Dựng

Những tháp này thường là những tháp nhỏ được xây bên trong hay xung quanh những khu thánh địa...như là một tâm nguyện **cúng dường** để tích thêm công đức của một người hành hương.

Những loại tháp này được xây nhiều nhất ở bốn thánh địa quan trọng là:

1. **Lumbini**, xung quanh khu di tích nơi Đức Phật đản sinh;
2. **Bodhgaya** (Bồ Đề Đạo Tràng), xung quanh gốc Cây Bồ Đề nơi Đức Phật thành Đạo;
3. **Vườn Nai**, Isippatana ở Sarnath, nơi Đức Phật khai giảng Bài Thuyết Pháp Đầu Tiên;
4. **Kusinara**, xung quanh Đền Đại Bát-Niết-Bàn (*Mahaparinibbana Temple*), nơi Đức Phật từ giã trần gian (*Đại Bát-Niết-Bàn*).

Ngoài những nơi thánh địa này, những tháp do Phật tử phát tâm xây dựng cũng được xây xung quanh những bảo Tháp xá lợi, với tâm nguyện tôn kính, tôn vinh những bảo Tháp chính thờ xá lợi.

*Những người hành hương đến viếng thăm Tám Thánh Địa Quan Trọng sẽ có được **những cơ hội quý giá nhất trong đời** để nhìn thấy và chiêm bái nhiều loại tháp tưởng niệm stupa khác nhau, từ những bảo Tháp cổ xưa nhất được xây bằng đá ở thành **Vesali** (Tỳ-xá-ly) cho đến những đại*

*bảo Tháp được xây dựng công phu và kỹ lưỡng nhất như bảo Tháp Dhamek Stupa uy nghi ở **Sarnath**.*

*Những người hành hương đến địa danh Bhopal cũng sẽ có cơ hội chiêm ngưỡng **Bảo Tháp Sanchi**, nơi thờ xá lợi của những vị A-la-hán Đại Đệ Tử của Đức Phật đã được phát hiện sau này.*

## (II)

### **Pava, Nơi Đức Phật Dùng Bữa Ăn Cuối Cùng**

#### **2.1 Cách Để Đi Đến Nơi**

Pava nằm cách 15km về hướng đông của Kushinagar, gần ngôi làng mang tên **Padruana** ngày nay. Trên đường đi người hành hương sẽ băng qua Sông Kosi, sông này chính là con sông tên Sông Kakudha vào thời Đức Phật còn tại thế.

#### **2.2 Ý Nghĩa Tôn Giáo**

Theo Kinh Đại Bát-Niết-Bàn, sau khi rời khỏi **Bhoganagara** (tức địa danh **Kesariya** ngày nay), Đức Phật đã đi đến **Pava** cùng với đoàn Tỳ kheo và nghỉ lại khu vườn xoài của một Phật tử làm nghề **thợ rèn** tên là **Cunda**.

Khi biết tin, Cunda đã đến thăm Phật và sau khi nghe một bài thuyết pháp của Đức Phật, ông đã mời Phật và Tăng Đoàn đến nhà ông để ông cúng dường trai tăng vào trưa ngày hôm sau. Ông ta đãi món ăn tên là ‘*sukara maddava*’ (*sukara* = heo rừng hay heo; *maddava* = mềm, non, tinh ngon), được dịch là “*phần ngon của heo*” (tiếng Anh: ‘*pig’s*

*delicacy* '). Vì thế, đã có 2 giả thiết về nghĩa của món ăn này như sau:

(1) Phần thịt heo mềm, phần ‘nạc tinh’ của thịt heo.

(2) Một loại thức ăn nào đó mà heo rừng hay heo rất khoái ăn, và điều này đã làm người ta cho rằng đó là loại nấm hay loại nấm rừng rất bổ dưỡng mà heo rừng luôn luôn sục miệng đào tìm dưới đất để ăn (*tiếng Anh: mushroom or truffle*); Hay cũng có thể là một loại chồi non hay rễ củ mà heo rừng thường đào bới để ăn.

Trong Kinh ghi lại rằng, Phật đã khuyên các Tỷ kheo là không được ăn, nhưng chỉ mình Phật ăn món ‘*sukara maddava*’ này. Luận giảng cho rằng Phật ăn để đáp lại lòng thành kính cúng dường trai tăng của thí chủ Cunda, vì đó là tâm cúng dường chân thành và thanh tịnh.

Sau khi dùng xong bữa ăn, Phật đã bị đau dữ dội và kiệt lực, một kiểu ngày nay gọi là “ngộ độc thức ăn”, nhưng Phật vẫn cố gắng tiếp tục cuộc hành trình đi đến Kushinara, cách khoảng 3 *gavutas* (khoảng 15km). Vì tính nghiêm trọng và đau đớn do ngộ độc, Phật đã phải dừng lại 25 lần để nghỉ.

Ngay khi đang đau đớn như vậy, nhưng để xua tan **sự ân hận, cắn rứt trong lòng Cunda** vì bữa cơm trưa của mình đã gây cái chết cho Đức Phật, Phật vẫn không quên bảo với ngài Ananda sau này hãy đến an ủi giải thích với Cunda rằng, trong tất cả những vật thực cúng dường, chỉ có 2 bữa ăn cúng dường cho Phật là “**công đức bằng nhau và lớn nhất**” hơn tất cả những vật thực cúng dường khác trên đời.



**Đó là gì?:** Đó là bữa ăn đượ cúng dường trước khi Đức Phật thành đạo Chánh Đẳng Chánh Giác (*Món cháo sữa do cô Sujata dâng cho Phật*) và bữa ăn cuối cùng cúng dường cho Phật trước khi Người từ giã trần gian hay Đại Bát-Niết-Bàn của Người (*Bữa ăn do Cunda cúng dường, mặc dù đã vô tình gây ra cái chết*). Như vậy, theo lời dạy của Đức Phật, bằng lòng thành kính cúng dường của mình, Cunda đã được những công đức lớn nhất, mà sau này ông sẽ được trường thọ, vinh thân, khỏe mạnh, đẹp đẽ và được tái sinh về cõi trời để được hưởng phúc.

### 2.3 Sự Kiện Thần Diệu Làm Trong Sạch Nước Suối

Gần Pava có con tên là **Sông Kosi**, tức là **Sông Kakudha** vào thời Đức Phật. Trước khi đến dòng sông này, Phật đã rất mệt và khát nước (hoàn toàn có thể do mất nhiều nước vì ngộ độc, tiêu chảy, kiết lỵ) và phải dừng lại để tìm nước uống.

Theo Kinh *Đại Bát-Niết-Bàn (IV, 24-32)*, Phật đã yêu cầu ngài Ananda đi lấy nước ở con suối gần đó để Phật uống. Ngài Ananda lúc đầu đã không đi lấy, vì thấy có rất nhiều xe bò lội qua suối, làm nước suối trở thành nước bùn, rất dơ bẩn. Thay vì đi lấy nước suối, ngài Ananda thưa với Phật rằng đã gần đến Sông Kakudha và đến đó có nước trong sạch, mát mẽ và dễ chịu, Phật có thể giải cơn khát và nghỉ chân. Tuy nhiên, Đức Phật vẫn yêu cầu ngài Ananda phải đi lấy nước ở suối.

Đến lần yêu cầu thứ ba, ngài Ananda mới đi ra suối lấy nước. Đến nơi, ngài chứng kiến một cảnh tượng kỳ lạ. Nước

bùn do những xe bò đi qua lúc nầy đã trở nên trong sạch và bùn cặn đã lắng xuống và uống được.

## 2.4 Bảo Tháp *Stupa* Của Người Malla ở Pava

Sau *Bát-Niết-Bàn* của Đức Phật, những người thuộc các bộ tộc đã tham dự chia phần xá lợi Phật và đem về xây bảo tháp để thờ xá lợi Phật. Gần đây, Ban Khảo Cổ Ấn Độ (ASI) đã khai quật một khu đất lớn và phát hiện ra một tháp *Stupa* bằng gạch trong khu di tích này được cho là khu Vườn Xoài của người thợ rèn Cunda, và tháp tưởng niệm bằng gạch này có thể đã được xây bởi những người Malla ở Pava.

Khi ngài Huyền Trang thăm viếng Kusinagar vào thế kỷ thứ 7 sau CN, ngài đã có nói về sự có mặt của tháp tưởng niệm *stupa* do vua Asoka xây ngay tại vị trí căn nhà của Cunda, ở phía Đông Bắc của thành phố, là nơi Đức Phật dùng bữa cơm cuối cùng.

Những người hành hương sau khi thăm viếng Kusinagar nên đến luôn Pava để chiêm bái bảo tháp tưởng niệm này. Chắc chắn trong tâm mỗi người sẽ khởi sinh lòng thúc giục về mặt tâm linh khi tưởng niệm lại bữa cơm cuối cùng của Đức Phật và tình trạng đau bệnh của Người đến khi từ giã trần gian.

Mỗi người càng thấy rõ **sự thúc giục tâm linh** về sự mong manh của kiếp người và càng mau chóng tinh tấn tu hành, thực hiện Con Đường Bát Chánh Đạo để chấm dứt khổ đau sinh tử trong luân hồi.

### (III)

## **Kesariya, Di Tích Tháp Tưởng Niệm Stupa Cao Nhất Thế giới** <sup>(8), (16), (24)</sup>

### **3.1 Cách Để Đi Đến Nơi**

Từ Kushinagar, đi về phía Nam bằng **Quốc Lộ 28** đến **Gopalganj** và tiếp tục băng qua Sông Gandak để đến Piprajoti. Chọn con đường tiến về **Motihari** và quẹo sang **Pipra**. [► Không nên chọn đường Chakia, nó trông có vẻ ngắn hơn, nhưng cuối cùng không thể nào đi qua được].

Nếu chúng ta rời khỏi Kushinagar (Kusinara) khoảng 4 giờ sáng, chúng ta có thể đến được Kesariya trước 10 giờ sáng và sau đó tiếp tục đi và về đến thành Vaishali (Tỳ-xá-ly) vào buổi chiều.

Nếu đi từ Patna (Hoa Thị Thành), chạy khoảng 70km đến Muzaffarpur và đi về hướng Bắc thêm 60 km là đến Pipra.

### **3.2 Nguồn Gốc Lịch Sử**

Theo tiến sĩ K. K. Mohd, giám sát dự án Vành Đai Patna của Ban Khảo Cổ Ấn Độ (ASI Patna Circle), tài liệu tham khảo nguyên thủy về nơi này đã được ghi rõ trong Kinh *Đại*

*Bát Niết Bàn*, trong phần ghi lại chuyến đi cuối cùng của Đức Phật từ thành Rajgir (thành Vương xá) đến Kushinagar, trong đó có nhắc đến địa danh **Bhoganagara**, mà ngày nay được biết đến với tên **Kesariya**. Điều này rất có thể vị trí Kesariya nằm trên con đường nổi tiếng nối liền Vaishali và Kushinagar, và vị trí của nó chính là nơi đánh dấu biên giới phân chia giữa những người **Lichhavi** ở Vaishali và những người **Malla** ở Kusinara.

Nơi đó cũng là nơi gắn liền với sự kiện Alara Kalama, một tu sĩ khổ hạnh vào thời Đức Phật. Và nơi đó được ghi rõ là **Kesaputta** trong một bài Kinh nổi tiếng mà Đức Phật đã thuyết giảng cho những người bộ tộc **Kalama**: đó là Kinh *Kesaputta Sutta*.

### 3.3 Ý Nghĩa Tôn Giáo

Theo ngài Pháp Hiền, nếu đi từ Kushinagar về hướng Đông Nam khoảng 12 *yojanas* (1 *yojana* = 7 dặm Anh = hơn 11 km), là đến nơi mà những người Licchavi (Bạt-kỳ) đã quyến luyến đi theo Đức Phật đến nơi *Bát-Niết-Bàn* của Đức Phật.

Khi nghe tin Đức Phật sẽ đến Kusinara để nhập diệt, những người Licchavi rất đau buồn và họ đã đi theo Đức Phật đến tận nơi đó, tức là biên giới ngăn cách giữa người Licchavi và người Malla, và họ đã không muốn quay về theo lời khuyên của Phật.

Cuối cùng khi đến biên giới của người Malla, Đức Phật tạo một dòng sông ảo rất lớn và sâu ngăn cách họ để họ

quay về. Phật đã tặng **bình bát của Phật** và khuyên họ quay về nhà. Họ mang bình bát về và xây một trụ đá tưởng niệm, trên đó khắc lại câu chuyện này.

Theo ngài Huyền Trang, vào thời bấy giờ, khoảng 200 lý (56 km) về hướng Tây Bắc của thành Vaishali, là một thành phố cổ bị bỏ hoang đã lâu. Trong thành có một tháp tưởng niệm *stupa*. Đây là nơi Đức Phật thuyết giảng Kinh ***Makhadeva Sutta*** thuộc Trung Bộ Kinh, kể về chuyện tiền thân của Đức Phật trong kiếp trước là Vua **Makhadeva**, , khi còn là một vị *Bồ-tát*. Vào lúc Phật thuyết giảng Kinh đó, Phật đã sống tại **Mithila** trong khu rừng **Makhadeva**, mà vị trí ngày nay là tháp **Kesariya Stupa**.

► **Lưu ý:** Vị trí của **Kesariya** được ghi lại bởi ngài Pháp Hiển là cách 12 *yojanas* (154 km) về hướng Đông Nam của Kushinagar, trong khi đó ngài Huyền Trang thì ghi rằng, vị trí đó cách 200 lý (56 km) về phía Tây Bắc của Vaishali. Chúng ta ráp lại thì cả hai cách miêu tả đều **chính xác là vị trí của Kesariya**.

Về sau này, có thể là sau *Bát-Niết-Bàn* của Đức Phật, người Licchavi đã xây dựng một bảo tháp bằng đất bùn ở Kesariya để tưởng niệm sự kiện đầy xúc động khi phải từ biệt Đức Phật.

Theo dòng thời gian, cho đến thời đại **Maurya, Sunga** và **Kushan**, tháp đã được xây lại bằng *gạch* và đã được tu sửa và mở rộng nhiều lần. Vào thế kỷ 6, vào thời đại Gupta, Tháp lại được mở rộng và được trang trí bằng hàng trăm bức tượng. Theo Ban Khảo Cổ Ấn Độ (ASI), tính niên đại thì Tháp này tồn tại cho đến thế kỷ 8, vào thời đại Pala.

Mặc dù có nhiều giả thuyết khiến chúng ta có thể tin đây là bảo tháp được dựng lên để thờ xá lợi **Bình Bát** của Đức Phật, nhưng theo ghi chép của hai nhà hành hương Trung Quốc là Pháp Hiển và Huyền Trang thì không phải vậy.

Bởi vì, thứ nhất, nếu Tháp này thờ bình bát của Đức Phật, thì hai ngài đã ghi chép về bảo tháp Kesariya này như là một bảo tháp rất quan trọng. Thứ hai, nếu nơi đây là bảo tháp người Licchavi đã lập tức xây để thờ bình bát của Phật ngay sau khi chia tay Phật, thì cũng không đúng, vì việc xây bảo tháp để thờ xá lợi những vật dụng thiêng liêng của Đức Phật là không xảy ra trước khi Đức Phật mất.

Ngài **Sir Cunningham** thì cho rằng những người Licchavi đã mang **Bình Bát** trở về lại thành Vaishali (Tỳ-xá-ly) theo lời khuyên bảo của Đức Phật. Và tháp **Kesariya stupa** chỉ đơn giản là một tháp tưởng niệm được những người Licchavi xây lên để tưởng nhớ cái **nơi** họ đã từ biệt Đức Phật lần cuối cùng mà thôi.

► Xem thêm phần nói về câu chuyện này ở Phần II.

## (IV)

### Tháp Ananda Stupa ở Hajipur

#### 4.1 Cách Để Đi Đến Nơi

**Hajipur** nằm ở bờ Bắc của Sông Hằng, cách Patna (Hoa Thị Thành) 10 km. Tháp Ananda hiện tại tọa lạc ngay vành đai phía Tây của **Hajipur** ở nơi được gọi là **Ramchaura Mandir**, cách **Masjid Chowk** chỉ 1 km về phía Nam.

#### 4.2 Ý Nghĩa Tôn Giáo

Vào thời cổ, sau khi vượt qua sông Hằng ở Patna, đến ngôi làng đầu tiên bên kia sông tên là Ukkacala, ngày nay gọi là Hajipur. Đức Phật đã từng thuyết giảng tại đây, Kinh *Cula Gopālaka Sutta* trong Trung Bộ Kinh.

Theo Luận Giảng Kinh Pháp Cú, khi **ngài Ananda** được 120 tuổi, và đến một lúc ngài biết được kiếp sống của mình sẽ kết thúc trong vòng 7 ngày sắp tới. Vì vậy, ngài bắt đầu hành trình từ thành Rajagaha (Vương xá) đến Vaishali (Tỳ-xá-ly) theo hành trình mà Đức Phật cũng đã đi lần cuối cùng trước kia.

Vua Ajatasattu (A-xà-thế) nghe tin liền đi theo cùng với đoàn tùy tùng để thỉnh cầu ngài Ananda ở lại. Trong khi đó, những người ở thành Vaishali nghe tin ngài đang đến lãnh thổ của họ, họ kéo nhau ra bờ sông Hằng để nghinh đón ngài.

Khi vua Ajatasattu theo kịp ngài Ananda vào ngày thứ 7, thuyền của ông ta đã qua đến giữa sông Hằng. Đám đông ở 2 bên bờ sông đều hô to để xin ngài đi về phía của họ để họ được đánh lễ. Vì vậy, để không làm thất vọng những người 2 bên bờ sông, ngài Ananda đã phi thân lên không trung và nhập diệt *Bát-Niết-Bàn* bằng nhập định vào giới lửa và thân thể tự phát hỏa thành tro, tro rơi xuống 2 bên của bờ sông Hằng. Một nửa tro rơi bên mỗi bờ sông. Những người ở 2 bên kinh thành mang xá lợi tro trở về và xây tháp xá lợi để thờ.

“**Tháp Xá Lợi Ananda**” (**Ananda Stupa**) bên bờ phía **Nam** của sông Hằng từ lâu đã bị cuốn trôi bởi dòng chảy luôn luôn thay đổi của sông Hằng. Còn “**Tháp Xá lợi Ananda**” bên bờ **Bắc**, ở **Hajipur**, thì vẫn còn, nằm trong khu mô đất cao đầy cỏ mọc và người Hindu đã xây một đền thờ ở trên nền tháp đó.

Những lần khai quật khảo cổ xung quanh khu vực tháp vào năm 1994-1997 đã làm lộ ra một giếng nước bằng gạch, vách giếng hai lớp được xây từ thời kỳ triều đại Kushan.

### 4.3 Hiện Trạng Tháp “Ananda Stupa”



Khi tác giả đến viếng thăm khu di tích này vào Tháng 10, 2008, toàn bộ khu di tích đang ở trong tình trạng rất xấu và tan thương (**Hình 48**). Có một đền thờ Hindu, đã bị đổ nát, được xây trên đỉnh của khu bảo Tháp Ananda. Bò được thả vào ăn cỏ xung quanh và người ta thậm chí dùng triền dốc của Tháp để phơi phân bò.

Nhìn thấy cảnh một bảo tháp nổi tiếng của một bậc Đại Sư Hộ Pháp\* trong tình trạng hoang phế cho đến hôm nay thì thật là **đau lòng** và làm khởi sinh những cảm giác và sự thấm nhuần thật sự về sự hủy hoại của thời gian và quy luật vô thường, thúc giục những người hành hương mau tinh tiến trong việc thực hành giáo pháp của Đức Phật một cách miên mật nhất.

▪ **Ghi Chú:** Ngài Ananda thường được gọi với cái tên “Người Hộ Pháp”, *Dhamma Bhandagarika*, tức là người tinh thông, thuộc lòng và giúp đọc tụng lại tất cả giáo pháp của Đức Phật trong Hội Đồng Tập Kết Kinh Điển Lần I. Trong Hội Đồng Tập Kết Kinh Điển lần thứ nhất được tổ chức đúng 3 tháng kể từ ngày *Bát-Niết-Bàn* của Đức Phật ở thành Rajagaha (Vương-xá), ngài Ananda được các vị A-la-hán chọn để đọc tụng lại tất cả Kinh mặc dù lúc ấy ngài chỉ là một người chứng quả Nhập Lưu tức Tu-đà-hoàn (*sotapanna*). Lý do là ngài là người thị giả kề cận bên Đức Phật và đã nghe những bài thuyết giảng từ chính miệng Đức Phật nói ra. Và sự thật lịch sử là Đức Phật cũng từng tuyên bố là ngài Ananda là người có trí nhớ tốt nhất.

Theo ghi chép trong Luật Tạng, vào đêm trước ngày khai mạc Hội Đồng Tập Kết Tập, ngài Ananda đã chứng đắc quả A-

la-hán. Tại Hội đồng kết tập, ngài Ananda đã tụng đọc lại Kinh Tạng, bắt đầu bằng nơi chốn và đối tượng nghe Đức Phật thuyết giảng và luôn luôn bắt đầu bằng câu quen thuộc: ***“Evam me sutam”*** – ***“Tôi đã nghe như vậy,”***.

(V)

**Kosambi, Di Tích Nơi Diễn Ra Cuộc  
Tranh Biện & Phân Ly Trong Tăng Đoàn** <sup>(24)</sup>

**5.1 Cách Để Đi Đến Nơi**

**Kosambi** cách Allahabad 60 km và có thể đi đến bằng đường bộ.

**5.2 Ý Nghĩa Tôn Giáo**

**Kosambi**, kinh đô của Vương Quốc **Vamsa**, là một trong 6 thành phố quan trọng của miền bắc Ấn Độ vào thời Đức Phật. Người cai trị vương quốc là **Vua Udena**, người ban đầu rất hà khắc với những tôn giáo mới (như Phật giáo), nhưng sau này rất thân thiện với Phật giáo, nhờ lời khuyên của người vợ của ông là Hoàng hậu **Samavati**, một Phật tử đã chứng thánh quả Nhập Lưu ngay sau khi nghe bài thuyết giảng bởi một người hầu nữ của mình là **Khujjuttara**.

Bà đã gặp phải thảm kịch do sự ghen ghét của một Hoàng hậu đối địch là **Magandiya**, bà này đã nhốt bà trong cung và phóng hỏa giết chết. Khi nhà vua biết được âm mưu của bà Magandiya, ông đã dùng hình phạt thiêu sống bà cùng với những kẻ đồng lõa.

Nhân thảm kịch này xảy ra, Đức Phật đã thốt ra những câu kệ, được ghi lại trong Kinh Pháp Cú, dòng 21 như sau:

*Appamado amata padam  
Pamado maccuno padam  
Appamatta na miyanti  
Ye pamatta yatha mata*

*Tỉnh giác là con đường dẫn đến bất tử.  
Phóng túng là con đường dẫn đến sự chết  
Người tỉnh giác không bao giờ chết.  
Người phóng túng thì như đã chết rồi.*

Sau đó, vua Udena chuyển hóa theo đạo Phật sau khi nghe ngài **Pindola Bharadvaja** thuyết giảng về việc sống tỉnh giác, chế ngự các căn dục.

Nơi đây có 3 nhà tài phiệt là **Ghosita** (cha nuôi của Samavati), **Kukkuta** và **Pavarika**, họ đã từng kéo nhau đến tận **Tu Viện Kỳ Viên** ở thành Xá-vệ (Savatthi) để mời Đức Phật đến thành phố của họ. Đức Phật đã nhận lời và họ đã đều xây tu viện và tịnh xá để đón Phật và Tăng đoàn. Vì vậy, nơi đây có **Tu viện Ghosita (Ghositarama)**, **Tu viện Kukkuta (Kukkutarama)** và tịnh xá ở **Vườn Xoài Pavarika (Pavarikambavana)** do 3 người đó xây nên để đón Phật và Tăng Đoàn.

Đức Phật đã ở lại vùng này trong mùa An Cư Mùa Mưa lần thứ 9 tại **Tu viện Ghositarama** và tại nơi này xảy ra vụ tranh biện và chia rẽ trong Tăng đoàn. Vì không thể giải quyết cuộc tranh chấp theo một cách nào đó, Đức Phật đã bỏ

đi vào rừng và trải qua kỳ An Cư Mùa Mưa lần thứ 10 trong **Rừng Parileyyaka**, nơi có những con voi và khí cúng dường phụng sự cho Đức Phật.

Những Phật tử tại gia biết được lý do, nên cũng đã ngưng việc cúng dường thức ăn cho các Tỳ kheo tranh cãi đó. Việc này làm cho các Tỳ kheo thức tỉnh và hòa đồng lại với nhau. Tuy nhiên, sau này họ phải đi đến gặp Đức Phật ở Tu Viện Kỳ Viên ở Savatthi (Xá-Vệ) để hòa giải trước mặt Đức Phật. Câu chuyện về sự tranh cãi chia rẽ trong tăng đoàn được ghi rõ trong “**Luận Giảng ‘Kinh Pháp Cú’**”.

Đức Phật đã thuyết giảng một số Kinh ở Kosambi và nhiều vị A-la-hán như ngài Ananda và ngài Xá-Lợi-Phất đã từng ngụ tại tu viện **Ghositarama**.

Theo ghi chép trong Luật Tạng, thì sau Khi Hội Đồng kết Tập Kinh Điển lần I, ngài Ananda đã đi đến tu viện **Ghositarama** này để thông báo cho ngài **Channa** về hình phạt bị tẩy chay ra khỏi Tăng Đoàn mà Đức Phật đã di huấn cho ngài Ananda và Tăng Đoàn trước khi Phật *Bát-Niết-Bàn*.

### 5.3 Bối Cảnh Lịch sử

Hoàng Đế Asoka đã thăm viếng **Kosambi** vào thế kỷ 3 trước CN và đã dựng lên 2 trụ đá để tưởng niệm chuyến hành hương của Ngài.

Theo Đại Sử Tích Lan (Mahavamsa), lúc đó có 30.000 Tỳ kheo, được dẫn đầu bởi Ngài **Urudhammarakkhita** của

**Tu Viện Ghositarama** đã đến dự lễ dựng **Đại Bảo Tháp** ở **Anuradhapura**, Tích Lan, bởi nhà vua Dutthagamini của vương quốc này (thế kỷ 1 trước CN).

Tu viện Ghosita (Ghositarama) tiếp tục phát triển việc tu học cho đến những triều đại Kushan, Magha và Gupta.

Vào thời ngài Pháp Hiền viếng thăm (Năm 399-414), tu viện này có nhiều Tỷ kheo tu hành, nhưng sau 200 năm đến thời ngài Huyền Trang chiêm bái, thì nó đã trở nên hoang tàn, mặc dù theo ngài Huyền Trang thì vẫn còn khoảng 300 Tỷ kheo ở đó. Kosambi chắc chắn cũng đã bị chung số phận với những trung tâm Phật giáo khác trong cuộc càn quét của đội quân Hồi giáo Thổ Nhĩ Kỳ man rợ ở miền Bắc Ấn Độ vào thế kỷ 12, trước khi Phật giáo hoàn toàn bị suy vong ở Ấn Độ.

Ngài **Sir Cunningham** là người đầu tiên xác định được khu di tích **Kausambi** trong ngôi làng **Kausam** vào thế kỷ 19. Tọa lạc bờ tả ngạn của Sông Yamuna, nó bao gồm một tàn tích của một tu viện lớn bằng gạch, được nhận dạng trên cơ sở những bia đá khắc chữ vào thế kỷ 1, đó chính là **Tu viện Ghositarama**, một nền móng của một Đại Bảo Tháp và một số tháp tưởng niệm nhỏ.

Những cổ vật khai quật được hiện đang được trưng bày tại Viện Bảo Tàng **Allahabad Museum** và viện bảo tàng **Kausambi Museum**. Phần tàn tích của Trụ Đá Asoka cũng được tìm thấy.

#### **5.4 Viện Bảo Tàng “Allahabad Museum”**

Viện Bảo Tàng “Allahabad Museum” nằm trên Đường Kamala Nehru bên trong công Viên Chandra Shekhar Azad Park, có 18 khu trưng bày nhiều tượng điêu khắc bằng đá. Những tượng điêu khắc bao gồm những tác phẩm cổ vật của thế kỷ 2 trước CN từ Bharhut và Kausambi, thế kỷ 1 sau CN từ triều đại Kushan ở Mathura, thế kỷ 4-6 triều đại Gupta và những điêu khắc thế kỷ 11 từ Khajuraho.

Viện bảo tàng mở cửa hàng ngày từ 10:30 sáng đến 4:30 chiều trừ thứ Hai.

## 6. Bảng Chỉ Dụ Bằng Đá Của Vua Asoka (Thạch Pháp Dụ Asoka) ở Delhi <sup>(41)</sup>

Nằm giữa 2 khu vực **Srinivaspuri** và khu **Đông Kailash** nằm ở phía **Nam Delhi** là **Công Viên Asoka**, tập trung hấp dẫn là một khối đá lớn nổi lên.

Ít người biết đến một tiểu Thạch Dụ Asoka ở Delhi. Đây là một phát hiện tình cờ bởi một nhà thầu xây dựng, khi họ đang san bằng để xây dựng những kiến trúc thuộc địa. (**Hình 49**).

Lời Chỉ Dụ (hay sắc lệnh của nhà Vua) được khắc trên mặt đá nghiêng của trụ đá, nơi những đứa trẻ hay leo lên trụ đá và tuột xuống như chơi cầu tuột vậy. Trên mặt đá, bao gồm 10 hàng chữ khắc Brahmi theo Phương ngữ Prakrit. Những dòng chữ khắc trên **Thạch Pháp Dụ Delhi** được đọc như sau:

*“Đây là lời của Người con yêu dấu của các vị Trời: Trải qua gần hai năm rưỡi kể từ lúc Ta trở thành một Phật tử cư sĩ. Nhưng Ta đã không nỗ lực hết mình cho sự nghiệp chánh Pháp trong suốt một năm đầu. Tuy vậy, hơn một năm sau Ta đã hết lòng mộ đạo gắn bó với Tăng Đoàn và đã nỗ lực hết mình.*

*Những vị Trời, vốn không hòa lẫn với loài người trong cõi Diêm Phù Đề (Jambudvīpa) từ bao thời xưa đến ngày hôm nay, đã được Ta làm cho hòa hợp với loài người\*. Điều này đích thực có được là do sự nỗ lực hết sức mình của Ta trong sự nghiệp của chánh Pháp.*

*Và kết quả này không phải chỉ làm được bởi những người ở vị trí thượng lưu như Ta; mà ngay cả một người nghèo khổ cũng hoàn toàn có khả năng chứng đạt cảnh thiên giới, nếu người đó tràn đầy nhiệt tâm trong sự nghiệp của chánh Pháp.*

*Giờ đây, tuyên ngôn này được thông cáo cho những mục đích sau đây, nghĩa là, người nghèo và người giàu hãy hết sức nỗ lực bằng chính mình, ngay cả những người ngoài lãnh thổ của đế chế của Ta cũng nhận thấy được sắc dụ này; Và rằng sự nỗ lực của mọi người có thể phải tốn nhiều thời gian lâu dài. Ta sẽ thúc đẩy sự nghiệp này tiến triển ít nhiều hơn một lần rưỡi”.\*\**

► Chú thích:

*\* Tức là loài người có thể được sinh vào cảnh giới của những vị Trời, nếu nhiệt thành với chánh Pháp. (ND)*



*\*\* Có rất nhiều bản dịch bằng những ‘nghĩa’ rất khác nhau từ các câu trong tiểu Thạch Pháp Dụ Dehli này. Có những bản dịch lại có thêm một câu cuối cùng nói là nhà Vua đã thông cáo sắc dụ này 250 lần khắp nơi trong chuyến hành hương của mình. Bản thân người dịch cũng không biết gì về loại chữ hay bản gốc chính xác bằng tiếng Pali. Chỉ tạm dịch từ bản tiếng Anh thông qua một số tham khảo nhưng bản dịch nổi tiếng nhất. (ND)*

Pháp dụ bằng đá này được đặt ngay trung tâm Thủ Đô của Ấn Độ được khắc vào khoảng năm 263 trước CN, hiển nhiên minh chứng cho sự bảo hộ Phật Giáo vô cùng đáng tri ân của nhà vua Asoka lỗi lạc. Và Thạch Pháp Dụ này cũng minh chứng cho lịch sử thủ đô Dehli đã là một trung tâm Phật giáo quan trọng vào thời đại Vua Asoka.

## 6.1 Delhi Vào Thời Đức Phật

Vào thời Đức Phật, **Dehli** là một thành thị sầm uất của nước **Kuru**. Dễ nhận thấy rằng Dehli đã gắn liền với Phật giáo ngay từ hồi sơ khai ban đầu của Phật giáo, theo những chứng tích của việc Phân chia lại Xá lợi Phật đã được ghi trong quyển Đại Phật Sử (*Buddhavamsa*). Những dao cạo và những hộp kim chỉ của Phật đã được thờ trong những Tháp Stupa tưởng niệm ở Indapatta, Dehli.

Trong Kinh *Janavasabha Sutta* thuộc Trường Bộ Kinh, **Kuru** được ghi lại như một trong những xứ sở (*janapadas*) nơi Đức Phật đã thuyết giảng một số bài Kinh.

Theo những quyển *Jatakas* (*Chuyện Tiền Sinh của Đức Phật*), nước Kuru có 300 liên minh và **Indapatta** (gần Delhi ngày nay) là kinh đô của nó.

Trong những chuyến viếng thăm, Đức Phật thường ngụ tại **Kammasadhamma**, một khu phố thị của người Kuru.

Tên của địa danh **Kammasadhamma** được ghi lại nhiều lần trong Kinh điển Pali, bởi vì Đức Phật đã thuyết giảng một số kinh ở nơi đó. Một trong những Kinh quan trọng nhất là **Kinh Đại Tứ Niệm Xứ** (*Maha-Satipatthana Sutta*) và **Kinh Đại Duyên** (*Maha-Nidana Sutta*) thuộc Trường Bộ Kinh. Luận giảng ghi rằng, Đức Phật thuyết giảng những bài kinh Đại Tứ Niệm Xứ này cho người Kuru ở Kammasadhamma bởi vì họ vốn thông minh nhanh trí. Luận giảng nói rằng, mỗi một hộ gia đình ở Kammasadhamma đều có một *thánh đệ tử* (*ariya*) và họ chánh niệm trong mọi công việc hàng ngày.

Tuy vậy, khu di tích của **Kammasadhamma** vẫn chưa ai tìm thấy. Đó có thể là khu vực nằm sau Công Viên Asoka ở phía Nam Delhi.

## 7. Đại Bảo Tháp “Sanchi Stupa” ở Sanchi <sup>(27), (40)</sup>

### 7.1 Cách Để Đi Đến Nơi

**Sanchi** cách khoảng 50 km bằng đường bộ từ **Bhopal**, thủ phủ của bang Madhya Pradesh.

Đối với những người hành hương vừa hoàn thành chuyến đi tại Varanasi, cách tốt nhất để thăm viếng Sanchi là đi bằng tàu lửa từ Varanasi đến Bhopal. Sau khi đến Sanchi và những nơi xung quanh Bhopal, chúng ta có thể đón tàu lửa quay về thẳng Dehli và từ đó bay về nước.

## 7.2 Bối Cảnh Lịch Sử

Mặc dù Sanchi không phải là một nơi thiêng liêng được Đức Phật ghé qua trong thời Người còn tại thế, nhưng **Vua Asoka** đã xây một Tháp tưởng niệm bằng gạch và một trụ đá Asoka ở trên đỉnh đồi **Vedisagiri** để cho những Phật tử địa phương thờ cúng.

Đây là công trình ghi nhớ đến **Vedisa**, nơi sinh của **Devi**, người vợ đầu tiên của Asoka khi ngài còn là phó vương xứ Ujjayini (Ujjain). Hoàng hậu nay là một Phật tử mộ đạo và là người của dòng họ Thích Ca, những người đã di cư đến đây sau khi thành Kapilavatthu (Ca-tỳ-la-vệ) của vương quốc Thích Ca bị đạo quân của Vidudabha tàn phá. (Xem thêm **Chú giải 10**).

Và cũng Hoàng hậu Devi đã sinh ra hoàng tử **Mahinda** và công chúa **Sanghamitta**. Devi đã không theo vua Asoka về kinh đô Pataliputta (Hoa Thị Thành) mà ở lại chốn quê **Vedisa**. Bà đã cho xây một tu viện trên Đồi Vidisagiri, thông thường được gọi là **Đồi Sanchi**.

Theo ghi chép của Đại Sử Tích Lan (**Mahavamsa**), A-la-hán **Mahinda** đã đến thăm mẹ ở Vedisa, và mẹ của ngài đã dẫn ngài đến **Tu Viện Vedisagiri** xinh đẹp, và ngài đã ở lại

đó một tháng trước khi lên đường trong sứ mạng truyền đạo ở Tích Lan.

Bảo Tháp Sanchi nguyên thủy có đường kính 60 feet (18.2m) ở mặt đáy và có hình bán cầu với mái vòm bao bọc từ dưới chân (*giống như nửa trái banh nằm úp*) và một cột tháp nhọn.

Tháp đã bị tàn phá nặng nề bởi những kẻ thù của Phật giáo sau khi Đế Chế Maurya bị sụp đổ vào năm 185 trước CN, nhưng sau đó đã được xây lại bởi những Phật tử mộ đạo ở Vidisa và từ nơi khác. Khi xây dựng lại,

Tháp được mở rộng gấp đôi so với kích thước nguyên thủy. Bốn cổng chào (*torana*) được điêu khắc một cách siêu nghệ thuật được cúng dường bởi người thợ cả của Vua **Satahavana** vào thế kỷ 1 trước CN.

Việc xây thêm một Đại Bảo Tháp được thực hiện vào thời (năm 450 sau CN), khi đó bốn tượng Phật cũng được gắn vào trên tường của bảo tháp, quay mặt về bốn cổng chào. Xung quanh Đại Bảo Tháp là một cụm những tháp tưởng niệm stupa, đèn thờ, trụ đá và những tu viện có mặt hơn 1.500 năm từ thế kỷ 3 trước CN cho đến thế kỷ 12 sau CN.

Sau cuộc xâm lược của quân Hồi giáo ở miền Bắc Ấn Độ, Sanchi cũng trở thành hoang tàn và chìm vào quên lãng từ thế kỷ 13. Sau đó, cây rừng mọc bao phủ xung quanh mãi cho đến khi toàn khu vực được phát hiện bởi Tướng **Taylor** vào năm 1818.

Sau đó, khu di tích còn bị tàn phá thêm bởi những nhà khảo cổ, những kẻ săn lùng kho báu và những kẻ phá hoại tôn giáo ở địa phương. Ngay cả trụ đá Asoka cũng bị đập vỡ ra thành từng mảnh bởi một địa chủ ở đây, dùng để làm trục ép mía làm đường mía.

Năm 1881, Thiếu tá **Cole** bắt đầu thực hiện việc tu sửa, nhưng sau đó phần lớn công việc trùng tu được thực hiện bởi Ngài **Sir John Marshal**, Giám đốc của Ban Khảo Cổ Ấn Độ (ASI) từ năm 1912-1919.

### 7.3 Những Nơi Cần Thăm Viếng

#### (1) Đại Bảo Tháp *Stupu* Ở Sanchi

Kích thước hiện tại của Đại Bảo Tháp là 120 feet (36.5m) đường kính mặt đáy và cao 50 feet (15.2m). Nó bao gồm một mái vòm hình bán cầu, trên đỉnh có cột tháp với 3 mái dù nằm trong một lan can rào hình vuông 4 cạnh trên đỉnh tháp.

Bảo tháp có thể được đi vào bằng 4 cổng vào có bốn cổng chào được điêu khắc rất tinh xảo, được dựng lên vào thế kỷ 1 trước CN. Mọi cổng chào gồm **có 2 cột vuông**, trên đầu 2 cột vuông được điêu khắc hình những con voi, sư tử...đang nâng đỡ phần kiến trúc bên trên là 3 thanh rường bắt ngang, mỗi thanh đều được bo tròn hai đầu.

Toàn bộ cổng chào cao 28 feet (8.53m, chưa tính phần điêu khắc trên cùng). Những thanh rường ngang được chia ra và nâng đỡ bởi **4 khối hình lập phương** và **6 cột đá nhỏ**

để chống đỡ và kết chặt các thanh ngang ở giữa. Tất cả đều được điêu khắc với nhiều hình tinh xảo.

Trên đỉnh của cổng chào là biểu tượng của Giáo Pháp: Bánh Xe Pháp (*Dhammacakka*) đặt trên lưng voi, đứng kèm 2 bên là một Dạ-xoa hộ vệ (*yakkha*) và 2 biểu tượng Tam Bảo (*Tiratanas*), đại diện cho Phật, Pháp & Tăng. (**Hình 50**).

► Một phần hình chụp Đại Bảo Tháp này chính là hình của bìa quyển sách này, (trong lần xuất bản đầu tiên).

Toàn bộ mặt điêu khắc phù điêu của cổng chào được phân thành 5 nhóm sau đây nội dung và ý nghĩa sau:

- Những cảnh về cuộc đời Đức Phật,
- Cảnh trong tiền kiếp của Đức Phật,
- Những sự kiện lịch sử, như là việc phân chia lại xá lợi Phật, bảo tháp Ramagama và vua Asoka đến thăm Cây Bồ Đề,
- Phật Manushi và những vị Phật trước đó, và
- Những cảnh và trang trí khác nhau

Đây là **một công trình kiến trúc và nghệ thuật đáng ngưỡng mộ** của Ấn Độ và nhân loại.

## (2) Tháp Stupa 2 & Stupa 3

Bên cạnh Đại Bảo Tháp *Stupa*, còn có những tháp nổi tiếng khác, như Tháp *Stupa 2* và *Stupa 3*. Tháp *Stupa 3* được xây vào thế kỷ 2 trước CN và được làm giống kiểu mẫu của

*Stupa* 1 là Tháp Chính, và được dựng lên bên cạnh Tháp Chính.

Trong Tháp *Stupa* 3 có lưu giữ một hộp đá có chứa xá lợi nhục thân của hai vị Đại Đệ Tử của Đức Phật là **Xá-Lợi-Phất** và **Mục-Kiên-Liên**.

Tháp *Stupa* 2, nhỏ hơn, có rất nhiều điều khác, phù điêu. Tháp này có lưu giữ 4 hộp đựng xá lợi, là tro hỏa thiêu của 10 vị thánh nhân của Phật giáo:

- (1) Kasapagota
- (2) Majjhima
- (3) Haritiputa
- (4) Vachhiya-Suvijayata
- (5) Mahavanaya
- (6) Apagira
- (7) Kodiniputa
- (8) Kosikiputa
- (9) Gotiputa
- (10) Mogaliputa.

Những vị đạo sư này không phải đều là những người cùng thời hay cùng một thế hệ. Chẳng hạn như ngài Mogaliputa thì được ghi rõ trong phần thờ xá lợi ở tháp *Stupa* 2 ở Andher và ở Sonari (Xem bên dưới) là một học trò của ngài Gotiputa, mà ngài Gotiputa lại là một thế hệ sau những người thầy là Kasapagota và Majjhima. Vì vậy trong tháp *Stupa* 2 đang thờ những xá lợi của những bậc Sư Thầy Phật giáo của ít nhất 3 thế hệ khác nhau.

### (3) Tu Viện Chetiyagiri Vihara Mới

Một tu viện mới được xây bên trái của **Đồi Sanchi** bởi **Hội Đại Bồ-Đề Ấn Độ** vào năm 1952.

Bên trong ngôi tu viện có thờ và chứa xá lợi của hai vị Đại Đệ Tử của Phật là **Xá-Lợi-Phất** và **Mục-Kiền-Liên**, được phát hiện trong bảo Tháp *Stupa* 3 bởi ngài Sir Cunningham năm 1851, mang về London để cất giữ và những xá lợi này đã trao trả lại cho Ấn Độ năm 1949 theo yêu cầu của Hội Đại Bồ-Đề.

Xá lợi của 10 vị đạo sư cũng được khôi phục từ Tháp *Stupa* 2 và được lưu giữ trong Viện Bảo Tàng British Museum và cũng được trao trả lại cho Ấn Độ vào năm 1956. Trong số này, hộp thứ nhất chứa xá lợi tro của những A-la-hán Mogaliputa, Kosikiputa và Gotiputa, đã được gửi tặng qua Tích Lan, trong khi xá lợi tro của các vị khác thì vẫn được giữ thờ trong tu viện này.

### (4) Những Tháp *Stupa* Gần Sanchi

Xá lợi của những vị Đại Đệ Tử cũng được tìm thấy trong Tháp *Stupa* 2 cùng thời ở **Satdhara**, khoảng 11 km về hướng Tây Nam của Sanchi.

Thật ra, toàn khu vực quanh Sanchi được xây đầy những “Tháp thờ xá lợi”. Ví dụ như ở **Sonari**, 10 km về hướng Tây Nam của Sanchi, ở **Satdhara**, như đã nói trên và ở **Andher**, 15 km về hướng đông Bắc của **Vidisa**, ở đó những phần xá



lợi khác của 10 vị A-la-hán có xá lợi được thờ trong Tháp *Stupa* 2 ở Sanchi, cũng được thờ ở đây.

Những bằng chứng này cho chúng ta thấy rõ là ngay trước thế kỷ 2 trước CN đã diễn ra việc phân chia lại các xá lợi của Phật và xá lợi của các vị Đại Đệ Tử cho những bậc cao tăng trong Tăng Đoàn ở nhiều nơi sau này. Và từ đó, họ lại tiếp tục phân ra và đặt thờ trong nhiều tháp *stupa* được xây thêm về sau.